

Tinh thần nhập thế của HT.Thích Quang Thế đối với đạo pháp và dân tộc tại Đà Nẵng

ISSN: 2734-9195 09:05 14/10/2025

Hơn 80 năm hiện hữu trên cõi đời, với tinh thần nhập thế, Hòa thượng Thích Quang Thế đã dành cả đời mình để phụng sự cho Đạo pháp và Dân tộc, trải qua những giai đoạn khó khăn của đất nước và Phật giáo.

Tác giả: **NCS Thích Ân Truyền**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

A. Dẫn nhập

Giáo sư Trần Văn Giàu đã nhận định: *"Bình minh của dân tộc ta đã gắn liền với Phật giáo. Phật giáo là ngọn đuốc văn minh ở xứ ta"*. Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Việt Nam, từ những buổi đầu sơ khai của đất nước, hoặc trải qua các triều đại trong lịch sử từ thời Đinh, Lê, Lý, Trần đều có những vị Thiền sư góp phần cho sự phát triển đất nước. Với tinh thần nhập thế của đạo Phật, những vị Thiền sư đã không ngại gian lao khổ nhọc đem trí lực và sức lực của mình đấu tranh cho sự phát triển của đất nước Việt Nam.

Trên tinh thần đó, vào thời hiện đại, trong công cuộc đấu tranh chống Mỹ, thống nhất đất nước, tại vùng đất Đà thành có một vị Hòa thượng đã dành cả cuộc đời mình cho Đạo pháp và Dân tộc. Ngài đã âm thầm hoặc công khai ủng hộ kháng chiến chống sự xâm lược, lên án chế độ độc tài của chính quyền miền Nam Việt Nam; che chở đùm bọc những nhà hoạt động cách mạng tham gia kháng chiến. Với Đạo pháp, Ngài kêu gọi và lãnh đạo đồng bào phật tử đứng lên để phản đối sự kỳ thị Phật giáo của chính quyền tại miền Nam Việt Nam và kêu gọi sự thống nhất các hệ phái Phật giáo để phát triển Giáo hội. Để từ đó góp phần làm cho công cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc được thắng lợi, thống nhất đất nước; thống nhất ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) vào năm 1981.

Mỗi khi nhắc đến Phật giáo Đà Nẵng là nghĩ ngay đến Hòa thượng Thích Quang Thế, với tên gọi thân thương “Ôn Thọ Quang”; nguyên Thành viên Hội đồng Chứng minh, Ủy viên Hội đồng Trị sự GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN Tp.Đà Nẵng; khai sơn trụ trì chùa Thọ Quang, Tp. Đà Nẵng. Cả cuộc đời của Ngài đã cống hiến cho Phật giáo và đóng góp vào đời sống an sinh xã hội tại địa phương. Với ý nghĩa đó, người viết xin chọn đề tài: *“Tinh thần nhập thế của Hòa thượng Thích Quang Thế đối với Đạo pháp và Dân tộc tại thành phố Đà Nẵng”*, để tham dự hội thảo Khoa học với chủ đề: “Đạo Phật với cách mạng Việt Nam” do GHPGVN tổ chức, thông qua bài viết này sẽ làm rõ tinh thần nhập thế của cố Hòa thượng khi còn sinh tiền đối với Đạo pháp và Dân tộc.

B. Nội dung

1. Sơ lược tiểu sử

Hòa thượng họ Đặng, húy Hữu Tường, Pháp danh Thích Nguyên Phước, tự Quang Thế, hiệu Đạt Minh, đời thứ 44 dòng thiền Lâm Tế chánh tông. Hòa thượng sinh ngày 19 tháng 9 năm Nhâm Tuất (1922), trong một gia đình thâm tín Phật pháp tại làng An Hải, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng, chánh quán tại làng Quảng Lăng, xã Điện Nam, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Thân phụ của Hòa thượng là cụ ông Đặng Văn Vịnh tức Nuôi, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Ớt. Hòa thượng là trưởng nam trong một gia đình gồm có 5 anh em: 3 trai, 2 gái. Năm Hòa thượng lên 9 tuổi, Phụ thân đã qua đời.



(Ảnh: Internet)

Năm 11 tuổi (Nhâm Thân 1932), Hòa thượng được mẫu thân gởi đến ở với thầy Tư Tri để học chữ Hán tại chùa An Hải, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng, sau đó xuất gia với Ngài Giám tự pháp hiệu Thích Thiện Trí tại Chùa Linh Quang - Huế. Dưới sự dẫn dắt của thầy Bốn sư, đạo phong của Ngài ngày một tăng trưởng, được chư Tôn đức thương mến, pháp lữ kính nể. Những người cùng tu học với Hòa thượng tại Phật học đường Báo Quốc ngày ấy là chư vị Hòa thượng Thích Thiên Ân, Hòa thượng Thích Đức Tâm, Hòa thượng Thích Minh Tánh, Hòa thượng Thích Thiện Châu...

Năm 1937 Hòa thượng tham dự khóa học tại Phật học đường Báo Quốc - Huế đến năm Kỷ Mão (1939) Ngài phụ tá Bốn sư khai kiến chùa Hiếu Quang và tiếp tục tu học tại đây. Cuối năm Giáp Thân (1944), chiến tranh Việt-Pháp xảy ra, Ngài tản cư vào Quảng Nam. Ở đây, Ngài vận động thành lập Chi hội Phật giáo Nổi Rang, nay thuộc xã Duyên Thọ, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Đến năm Kỷ Sửu (1949), tròn 28 tuổi, đạo phong vững mạnh, Ngài được Hòa thượng Bốn sư cho thọ Tam đàn cụ túc giới, tại Giới Đàn Hộ Quốc, tổ chức tại Tổ đình Báo Quốc - Huế, do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam làm Đàn đầu. Cùng giới đàn này có cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thiện Minh... Sau khi thọ Đại giới, Ngài được Giáo hội Phật giáo Trung phần cử về Trụ trì chùa Pháp Lâm - Đà Nẵng vào năm 1951, đến năm 1962 Ngài được cử trụ trì chùa Tỉnh hội Phan Thiết. Năm 1964, Hòa thượng trở về lại Đà Nẵng tiếp tục giữ chức vụ Chánh Đại diện rồi Trưởng Ban Trị sự Phật giáo Đà Nẵng cho đến ngày viên tịch (1).

2. Tinh thần nhập thế của Hòa thượng đối với Đạo pháp và Dân tộc

2.1 Đối với Đạo pháp

Khi đạo phong của Hòa thượng đã vững, cũng như hoàn cảnh lịch sử lúc này đang cần những vị ra hành đạo để hoạt động Phật sự; được sự cho phép của Hòa thượng Bốn sư, vào năm 1951, Ngài đã được Giáo hội Phật giáo Trung phần cử về trụ trì chùa Pháp Lâm - TP. Đà Nẵng, đây là ngôi chùa do Hội An Nam Phật học thành lập (năm 1934), và sau này trở thành trụ sở chính của GHPGVN TP. Đà Nẵng.

Tại Đà Nẵng, Ngài cùng với chư Tôn đức đã tổ chức khóa an cư - kết hạ cho chư Tôn Thiện đức tại địa phương và Huế tham dự tại trường hạ chùa Linh Ứng, Ngũ Hành Sơn. Ngoài ra, hưởng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo, Ngài đã tổ chức lớp học giáo lý tại gia và tiến hành thành lập khuôn hội tại đây.

Từ năm Giáp Ngọ (1954), Ngài là thành viên của Ban Hoằng pháp Hội Phật học Trung phần và đi thuyết giảng tại các tỉnh miền Trung.

Năm Mậu Tuất (1958), Hòa thượng cùng chư Tôn đức Tỉnh hội Phật giáo Đà Nẵng thành lập Phật học viện Phổ Đà. Đây là cơ sở đào tạo Tăng tài, Bố-tát và an cư, ngày nay là Trường Trung cấp Phật học thành phố Đà Nẵng.

Năm Kỷ Hợi (1959), Ngài chính thức khai sơn chùa Thọ Quang, thuộc xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc TP. Đà Nẵng). Năm Nhâm Dần (1962), công việc xây dựng chùa hoàn thành.

Sau lễ khánh thành, về nhu cầu Phật sự cần thiết, Giáo hội Tăng già Trung phần bổ nhiệm Hòa thượng trụ trì chùa Tỉnh hội Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Năm Quý Mão (1963), Hòa thượng cùng chư Tôn Thiền đức tỉnh Bình Thuận hướng dẫn Tăng tín đồ Phật giáo Phan Thiết tham gia phong trào đòi năm nguyện vọng của Phật giáo Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Liên phái bảo vệ Phật giáo góp phần đưa cuộc đấu tranh Phật giáo đi đến thắng lợi trong tinh thần bất bạo động.

Từ năm Đinh Mùi (1967) đến năm Ất Mão (1975), Hòa thượng về lại Đà Nẵng và được các Đại hội thỉnh cử giữ chức vụ Chánh Đại Diện cho đến ngày hòa bình trở lại trên quê hương.

Năm Canh Tuất (1970), Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã tổ chức Đại giới đàn Vĩnh Gia. Ngài được thỉnh cử chức vụ Phó chủ đàn, Hòa thượng Thích Tôn Thắng làm Chánh chủ đàn. Đây là Đại giới đàn được tổ chức quy mô với sự hiện diện của các bậc cao Tăng lãnh đạo Giáo hội và sự tham dự hàng nghìn giới tử xuất gia và tại gia trong cả nước.

Từ năm Ất Mão (1975), tức sau ngày đất nước thống nhất, Ngài tiếp tục lãnh đạo Giáo hội, tổ chức tu học cho Tăng tín đồ. Năm Bính Thìn (1976) đến năm Đinh Tỵ (1977), khi các tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín cũ và Đà Nẵng sáp nhập thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Dưới sự lãnh đạo của GHPGVNTN cũ, một Ban Đại diện Tỉnh hội Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập. Ngài được tiếp tục cung thỉnh cử làm Chánh Đại diện Tỉnh hội Phật giáo.

Năm 1981, sau khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, cuối năm Nhâm Tuất (tháng 5 năm 1982), Đại hội Phật giáo tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ nhất đã thỉnh cử Ngài làm Trưởng Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng. Ngài giữ chức vụ này trải qua 3 nhiệm kỳ 1982 - 1987, 1987 - 1992, 1992 - 1997. Và được suy cử vào Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN.

Năm Giáp Tuất (1994), Đại giới đàn Báo Quốc được tổ chức tại Huế, Ngài được cung thỉnh làm Giáo thọ A-xà-lê.

Năm Bính Tý (1996), Đại giới đàn Phước Huệ do Ban Trị sự tỉnh Giáo hội Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức tại chùa Phổ Đà, thành phố Đà Nẵng, Hòa thượng được cung thỉnh làm Đàn đầu Hòa thượng. Trong giới đàn này, giới tử xuất gia gồm 300 vị, giới tử tại gia thọ Thập Thiện giới và Bồ-tát giới khoảng 1640 vị, tổng cộng gần 2000 vị.

Năm Đinh Sửu (1997), tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được tách ra thành hai đơn vị hành chính là thành phố Đà Nẵng trực thuộc Trung ương và tỉnh Quảng Nam. Ngày 19 và 20 tháng 4 năm 1997, trong Đại hội Đại biểu Phật giáo thành phố Đà Nẵng lần thứ nhất, Ngài được suy cử làm Trưởng Ban Trị sự thành hội Phật giáo thành phố Đà Nẵng, nhiệm kỳ 1997 - 2002. Và được Đại biểu suy cử vào Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN. Ngài tiếp tục giữ các chức vụ trên, trong nhiệm kỳ V (2002-2007) (2).

Những năm cuối đời, mặc dầu bệnh nặng, nhưng Ngài vẫn lo cho Phật giáo đồ, qua lời kể của Hòa thượng Thích Quang Nhuận, pháp đệ của Ngài từ Huế vào thăm và hỏi Ngài: “Hòa thượng có chuyện gì căn dặn không?” Hòa thượng lắc đầu, rồi nói hòa lẫn trong hơi thở: “Tôi chỉ lo cho tiền đồ Đạo pháp và Dân tộc” (3).

Với những đóng góp lớn lao của Hòa thượng đối với Phật giáo Đà Nẵng khi còn sinh tiền, trong bài Điều văn của Hội đồng Chứng Minh và Hội đồng Trị sự GHPGVN đã tán thán công đức của Hòa thượng như sau: “...*Bằng tinh thần hòa hợp đoàn kết, thống nhất Phật giáo cao độ, Hòa thượng đã thể hiện nguyện vọng thống nhất Phật giáo của Tăng Ni, Phật tử cả nước, đã tiếp nối dòng sinh mệnh 2000 năm lịch sử của Phật giáo Việt Nam, xây dựng thành công ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tỉnh hội Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng qua đó Hòa thượng đã không ngừng đóng góp cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam, tỉnh thành hội Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng ngày càng phát triển vững mạnh trang nghiêm, hưng thịnh trong lòng dân tộc, để rồi hoa Đạo pháp nở rộ trong vườn hoa xã hội và đạo đời mãi mãi dung thông.*



(Ảnh: Internet)

Thế hệ hôm nay và thế hệ mai sau là những người thừa hưởng sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam, là thừa hưởng gia tài quý báu của Hòa thượng đã đóng góp một phần công đức rất lớn trong sự nghiệp xây dựng, phát triển Phật giáo Việt Nam mà Hòa thượng đã thể hiện bằng sự sống, và bằng hành động, bằng ý chí của mình gần một thế kỷ qua..." (4). Và trong bài Điều văn của Thành hội Phật giáo Việt Nam thành phố Đà Nẵng cũng nói về công hạnh của Hòa thượng

như sau: “...Với uy tín thanh trong và lòng trung thành nghĩa cả, Hòa thượng đã vận động các hệ phái Phật giáo ở địa phương sáp nhập vào ngôi nhà chung Gia đình Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đáp ứng nguyện vọng thống nhất Phật giáo Việt Nam suốt hai ngàn năm lịch sử truyền thừa, để từ đó ngày càng phát triển trang nghiêm trong lòng dân tộc. Hoà thượng đã tạo nên sự vững bền gắn bó trong khối đại đoàn kết toàn dân để chung sức chung lòng xây dựng quê hương...” (5). Công đức của Ngài góp phần ổn định và phát triển Phật giáo Đà Nẵng trong dòng chảy Phật giáo Việt Nam. Để nói về công hạnh của Hòa thượng đối với Phật giáo qua các giai đoạn lịch sử của đất nước, trong sổ tang lưu niệm, Đức đệ Tử Pháp chủ GHPGVN - Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quảng (lúc Ngài còn vai trò là Phó Chủ tịch HĐTS - Trưởng Ban Hoàng Pháp GHPGVN) đã viết như sau: “Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự vô cùng thương tiếc Hòa thượng Quang Thế một danh tăng của thế kỷ 20 và 21” (6).

2.2 Đối với Dân tộc

Trong giai đoạn đất nước đang bị chia cắt, chiến tranh loạn lạc, Hòa thượng không chỉ là chỗ dựa tinh thần cho chư Tăng Ni, Phật tử mà còn là niềm tin cậy cho những vị hoạt động cách mạng, đấu tranh chống sự xâm lược của Mỹ và chính quyền miền Nam Việt Nam. Qua bài viết *Tâm hương nửa đời cảm niệm* của nhà thơ Phan Duy Nhân (tức Nguyễn Chính) (7), trong *Kỷ yếu tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng Thích Quang Thế* để thấy được sự đóng góp của Hòa thượng trong giai đoạn đất nước đang bị chia cắt, sự đàn áp của chính quyền miền Nam Việt Nam và Mỹ tại thành phố Đà Nẵng.

Từ tháng 3 năm 1965, Mỹ đổ đội quân viễn chinh đầu tiên vào Đà Nẵng, Bộ Tư lệnh Quân đoàn I Sài Gòn gợi ý và ép Hòa thượng (lúc này Ngài còn Thượng tọa và đang là Chánh Đại diện Phật giáo Đà Nẵng và trụ trì chùa Tỉnh hội Pháp Lâm) “hoặc một vài tăng ni cư sĩ đại diện cho Phật giáo đi cùng “phái đoàn đón tiếp” do viên thị trưởng Đà Nẵng và vị Giám mục Địa phận Đà Nẵng dẫn đầu, ra chào mừng đơn vị thủy quân lục chiến đồng minh đổ bộ từ hạm đội 7, nhưng Hòa thượng đã mềm mỏng và kiên quyết từ chối tham dự. Nhờ vậy, trong hình ảnh đoàn nghênh rước quân viễn chinh Mỹ phất cờ sao-vạch và cờ ba sọc dưới ánh nắng chói chang trên bãi cát Xuân Thiều sáng ngày 08/3/1965 được truyền đi khắp thế giới và còn lưu giữ ở các cơ quan lịch sử, truyền thông quốc tế, đã tuyệt đối không có bóng dáng chiếc áo Tăng Ni hay cư sĩ Phật giáo nào” (8). Nhờ vào sự kiên quyết khước từ của Hòa thượng mà Phật giáo tránh được điều tiếng trong quần chúng nhân dân.

Lúc này, Mỹ đã cho xây dựng căn cứ quân sự trên khắp Đà Nẵng, tại những vùng đóng quân, Mỹ đã ồ ạt tăng cường tấn công các chiến khu và vùng giải

phóng ở Đông Nam bộ và Tây Quảng Đà, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên và Bắc Tây Nguyên, ngoài ra những ngôi chùa miếu cũng bị xâm phạm, phá hoại, trong đó nghiêm trọng nhất là chùa Khuê Bắc bị binh lính Mỹ vào đập bỏ tượng Phật và bàn thờ, dẫn đến sự phẫn nộ của Tăng Ni, Phật tử và quần chúng nhân dân. Trước tình trạng ấy, đồng chí Hồ Nghinh và đồng chí Hà Kỳ Ngộ đã chỉ đạo các đồng chí hoạt động cách mạng liên hệ với những vị lãnh đạo Phật giáo tại Đà Nẵng để tìm cách đấu tranh, khi đến gặp Hòa thượng và trình bày về cách thức đấu tranh phản đối; sau khi nghe xong, Hòa thượng đã bảo anh Vĩnh Kha (9) và nhà văn Phan Duy Nhân như sau: *“Người ta phá chùa, bắn cả tượng Phật, mà không phải chỉ làm một lần! Mình nhẫn nhục nhưng cũng phải có cách lên tiếng chứ? Các Thầy, các anh tính rằng cho khéo thì làm, nhưng mình phải tỏ rõ thái độ, nguyện vọng của mình...”* (10), sau đó anh Vĩnh Kha đã về Huế, báo cáo về chùa Từ Đàm, đề nghị: *“Ôn hòa như Thầy Quang Thế mà cũng quyết định như vậy rồi, chúng ta không thể làm cách nào khác được đâu!”* (11). Với sự đồng thuận và trợ duyên của Hòa thượng, vào một buổi chiều giữa tháng 10/1965, tại sân chùa Pháp Lâm đã diễn ra một cuộc mít-tinh của gần 5000 Tăng Ni, Phật tử với những biểu ngữ, lời phát biểu và khẩu hiệu cực lực tố cáo quân Mỹ về việc đập tượng Phật và bắn phá bừa bãi những ngôi chùa trên địa bàn Đà Nẵng, kêu gọi mọi giới đứng lên bảo vệ Đạo pháp và Dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Qua cuộc mít-tinh này, về sau khi kiểm lại các hoạt động đấu tranh chống Mỹ, theo nhà thơ Phan Duy Nhân thì đây được xem *“là một trong những cuộc mít-tinh, xuống đường đầu tiên của nhân dân các thành thị và vùng bị chiếm trực diện tấn công thẳng vào quân viễn chinh Mỹ đang tham chiến ở miền Nam”* (12).

Đầu năm 1966, Mỹ ráo riết tăng cường chiến tranh cục bộ, càn quét ác liệt để bình định, tìm diệt lực lượng cách mạng ở miền Nam, và leo thang bắn hủy diệt miền Bắc. Trước tình trạng đó, Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Tăng thống GHPGVNTN, ra *Thông điệp* kêu gọi chấm dứt chiến tranh tàn phá của Mỹ, và khi Hòa thượng nhận được *Thông điệp* của Đức Tăng thống và nghe về kế hoạch cho cuộc mít-tinh phản đối chiến tranh được tổ chức tại sân chùa Pháp Lâm, cũng như cung thỉnh chư Tôn đức lãnh đạo Phật giáo ngồi vào bàn chứng minh. Hòa thượng nói rằng: *“Tôi chưa biết các anh tính nói cái gì mà ngồi chứng minh hội thảo, nhưng mà kêu gọi chấm dứt cái chiến tranh tàn sát thì tôi đồng tình. Chuyện từ bi, các anh cứ vững tâm mà làm. Nếu ngồi chứng minh như rứa mà có bị vô ngồi tù thì tôi cũng chịu với anh em chứ rằng”* (13). Với những lời động viên trên cho thấy tinh thần nhập thế của Hòa thượng trong vấn đề đấu tranh kêu gọi chấm dứt chiến tranh, cho dù gặp nhiều khó khăn thử thách nhưng Ngài vẫn đồng tình và ủng hộ.

Trong những lần hội thảo tiếp theo, sân chùa Pháp Lâm trở thành một diễn đàn quần chúng công khai chống Mỹ ngay giữa lòng thành phố, mỗi lần họp bàn về vấn đề chống Mỹ, tố cáo tội ác chiến tranh của Mỹ và đòi hòa bình trên cơ sở độc lập, chủ quyền, chấm dứt chiến tranh và yêu cầu Mỹ phải rút quân khỏi Việt Nam. Những lần như thế đều có sự chứng minh tham dự của Hòa thượng và chư Tôn đức Phật giáo, được nhà thơ Phan Duy Nhân diễn tả lại như sau: *“Nhớ lần nào các vị Tôn túc và Thầy cũng đến đúng giờ, khoát đại y hoặc phần nhiều mặc áo tràng dài màu nâu, chỉnh đạc bước lên bàn chứng minh, trang nghiêm và từ ái nhìn bao quát sân chùa, rồi cùng chúng tôi niệm Hồng danh đức Bốn sư, mở đầu cho đêm hội thảo”* (14). Sự hiện diện của Hòa thượng cùng chư Tôn đức đã tiếp thêm động lực cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Để nói về tình hình đất nước và Phật giáo trong giai đoạn 1945-1975 tại miền Nam Việt Nam, trong tác phẩm *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945-1975)* của PGS.TS. Lê Cung (chủ biên) có đề cập về hoạt động mít-tinh của Phật tử Đà Nẵng vào năm 1966 như sau: *“Tại Đà Nẵng, ngày 14-3-1966, hơn 4000 Phật tử và binh lính tổ chức mít-tinh tại công trường Diên Hồng. Chủ tịch Ủy ban quân dân tranh đấu Vùng I Chiến thuật đọc diễn văn, khẳng định quyết tâm đấu tranh đến cùng của quân dân Đà Nẵng”* (15). Mặc dù trong tác phẩm không đề cập đến tên của Hòa thượng, nhưng qua lời kể của nhà văn Phan Duy Nhân thì chúng ta biết rằng chính Hòa thượng là người đã lãnh đạo quần chúng nhân dân trong công cuộc mít-tinh này.

Khi quần chúng nhân dân và đồng bào Phật tử đứng lên phản đối chiến tranh ngày càng sâu rộng, chính quyền miền Nam Việt Nam đã tiếp tục đưa quân ra Đà Nẵng nhằm đàn áp công cuộc đấu tranh của nhân dân ta: *“Ngày 15-5-1966, Nguyễn Cao Kỳ đưa 3000 thủy quân lục chiến ra Đà Nẵng. Quân Thiệu - Kỳ chiếm lấy Sở Chỉ huy Quân đoàn I, Đài Phát thanh. Tín đồ Phật giáo Đà Nẵng đánh chuông báo động. Lực lượng ly khai dựng chướng ngại vật trên các ngã đường thành phố, sẵn sàng chiến đấu; tiểu thương Phật tử chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ chiến đấu. Đối với lãnh đạo Phật giáo, việc Thiệu - Kỳ đưa quân đàn áp Đà Nẵng”* (16) là *“sự phản bội nghiêm trọng của Chính phủ đi đôi với hành động phiêu lưu, vô trách nhiệm của họ sẽ đưa đất nước vào cảnh nội chiến với thảm kịch không lường trước được”* (17) và kêu gọi Phật tử sẵn sàng thi hành mệnh lệnh.

Tại Đà Nẵng, chính quyền miền Nam ráo riết ra sức đàn áp quân giải phóng và nhân dân đứng lên đấu tranh. Nhằm phản đối sự tấn công của chính quyền đối với lực lượng đấu tranh đang ẩn nấp trong chùa, thì *“tại chùa Tỉnh hội các nhà sư đã dựng lên ba dàn hỏa thiêu ở sân chùa và dọa sẽ tự thiêu nếu quân Thiệu -*

Kỳ tấn công chùa” (18) Và chính quyền còn “yêu cầu Viện Hóa Đạo buộc các lực lượng ly khai phải ra khỏi các chùa ở Đà Nẵng nhưng bị từ chối” (19). Chính quyền Thiệu - Kỳ đã đàn áp quân dân và Phật tử Đà Nẵng một cách ác liệt, tấn công trực tiếp vào chùa Pháp Lâm, và được diễn tả trong tác phẩm *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945-1975)* của PGS.TS. Lê Cung như sau: “*Tại chùa Tỉnh hội, cuộc đàn áp của quân đội Thiệu - Kỳ diễn ra hết sức đẫm máu. 800 người, gồm quân lính ly khai cùng với Phật tử, đã chiến đấu chống lại 6 tiểu đoàn quân Thiệu - Kỳ gồm khoảng 3000 người có trang bị đầy đủ vũ khí. Riêng chùa Tỉnh hội đã có tới 80 người chết và 300 người bị thương. Ngày 23-5-1966, quân Thiệu - Kỳ chiếm lại Đà Nẵng*” (20).

Khi đồng bào Phật tử và nhân dân thành phố Đà Nẵng đứng lên tranh đấu đòi hỏi Quốc hội Lập hiến vào năm 1966, thì trong đó có 26 người đã bị bắt và đem ra xét xử. Để phản đối việc làm trên, vào ngày 10/12/1967, Hòa thượng với vai trò là Chánh Đại diện GHPGVNTN Thị xã Đà Nẵng, đã gửi công văn số 00633/ĐD/VP đến Tổng thống Việt Nam Cộng hòa cùng chính quyền đương thời tại miền Nam Việt Nam, nhằm lên án việc đưa quân ra Đà Nẵng để đàn áp cuộc tranh đấu của đồng bào và nhân dân, và trả tự do cho những người đã bị bắt giam, trong công văn ghi rõ: “*Toàn thể Phật giáo đồ Đà Nẵng long trọng tuyên bố: Cục lực phản đối việc đưa 26 người tham gia tranh đấu đòi hỏi QHLH năm 1966 ra Tòa án xét xử; Cương quyết đòi hỏi Chính quyền phải trả tự do cho họ; Tất cả những người đã tham gia phong trào đòi hỏi QHLH năm 1966 bị trả thù, chuyển, sa thải... phải được phục hồi quyền lợi tối thiểu của họ*”. (21)

Theo nhà văn Phan Duy Nhân thì, từ những năm 1970-1974: “*chùa Pháp Lâm là cứ điểm chuẩn bị, trung tâm phát khởi và nơi ẩn náu tự vệ của phong trào nhân dân thành phố Đà Nẵng đấu tranh chống Lon Nol tàn sát Việt kiều ở Campuchia, chống Thiệu “bầu cử độc diễn” và buộc Thiệu từ chức, rồi đòi thi hành Hiệp định Pa-ri, chống và cứu đói, yêu cầu hòa bình hòa hợp dân tộc...*” (22). Cùng nói về sự kiện này, trong tác phẩm *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945-1975)* của tác PSG.TS. Lê Cung đề cập như sau: “*Cùng với phong trào đấu tranh của nhân dân đô thị miền Nam, phong trào Phật giáo diễn ra liên tục, sôi nổi và rộng khắp. Đặc biệt là ở Sài Gòn, Huế và Đà Nẵng, phong trào Phật giáo diễn ra rầm rộ, giương cao các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ, dân tộc và hòa bình, chống chiến tranh xâm lược và ủng hộ giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris. Ngày 8-5-1970, hơn 1000 tín đồ Phật giáo ở Đà Nẵng tập trung tại chùa Tỉnh hội, lên án chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đồng lõa với bọn phản động Lon Nol giết hại Việt kiều ở Campuchia. Tiếp đó, Tăng Ni, Phật tử làm lễ cầu siêu cho những đồng bào bị Lon Nol giết hại*” (23). Qua các sử liệu trên cho thấy vai trò của Hòa thượng là rất lớn trong việc lãnh đạo quần chúng Phật tử đấu tranh đòi sự độc lập thống nhất đất nước và

lên án những hành vi giết hại đồng bào Phật tử và nhân dân Việt Nam.

Nhằm lên án sự độc tài của chính quyền Thiệu - Kỳ cũng như vấn đề độc diễn gian lận trong bầu cử, tại Đà Nẵng vào *“sáng ngày 3-10-1971, Phật tử cùng với hàng nghìn phụ nữ và học sinh các trường Phan Châu Trinh, Bồ Đề, Sao Mai, Quảng Đức,... anh chị em công nhân, thương phế binh,... tập trung tại chùa Tỉnh hội với khẩu hiệu cầm tay: “Đả đảo trò hề độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu”, “Đả đảo đế quốc Mỹ”, “Còn Thiệu, còn Mỹ, còn chiến tranh,...”* (24), và kêu gọi cử tri không tham gia bầu cử: *“Mùng năm, mười bốn, hăm ba/ Cũng không xui xẻo bằng Ba tháng Mười”* hoặc: *“Không đi, không cử, không bầu / Không để Mỹ - Thiệu xây lâu máu xương”* (25).

Sau một thời gian dài kháng chiến chống Mỹ và chế độ bù nhìn của chính quyền miền Nam Việt Nam của nhân dân ta. Đến mùa Xuân 1975, mấy ngày trước khi giải phóng thành phố Đà Nẵng (29/3), *“tình hình Đà Nẵng hỗn loạn, nhiều quần chúng nhất là binh lính Sài Gòn hoang mang lo sợ cực điểm; các đường phố tràn ngập cảnh chạy loạn, cướp bóc, bắn giết và tuyệt vọng; tính mạng và sự an nguy của nhiều đồng bào bị đe dọa”* (26). Nhằm tránh tình trạng đổ máu giữa quần chúng và quân lính Sài Gòn, Hòa thượng đã “đứng ra kêu gọi anh em binh lính sĩ quan quân đội Sài Gòn hãy buông vũ khí, đem súng tập trung ở khu vực chùa Pháp Lâm và phát cao cờ Phật giáo năm màu mà về sống với gia đình. Lập tức, các nhà dân và nhà xe quân sự của quân đội Sài Gòn còn chạy trong thành phố đều treo cờ năm sắc; cả một vài nhà thờ đạo Thiên Chúa cũng treo cờ Phật trước cổng” (27). Nói về sự kiện lịch sử trọng đại này, trong tác phẩm *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945-1975)* của tác giả PGS. TS. Lê Cung đã đề cập như sau: *“Ở Đà Nẵng, dưới danh nghĩa Thành phần thứ ba, Tăng Ni, Phật tử với cờ Phật giáo trên xe đã kêu gọi sĩ quan, binh lính trở về với nhân dân, kêu gọi đồng bào đừng di tản, cùng với Ủy ban Quân quản thành phố ổn định cuộc sống nhân dân,...”* (28). Vào ngày 29/3, khi quân giải phóng vào thành phố Đà Nẵng, đồng bào nhân dân đã ra đón quân giải phóng và cờ bay phất phới khắp phố phường, trong đó có hai cờ của: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sao vàng hai màu xanh - đỏ và cờ Phật giáo. Hình ảnh này đã để lại ấn tượng sâu sắc cho những cán bộ hoạt động cách mạng trong thời kỳ đấu tranh giải phóng Đà Nẵng. Về sau khi nhắc lại về sự kiện lịch sử trong ngày đoàn quân giải phóng dân tộc tại Đà Nẵng, đồng chí Hồ Nghinh - Bí thư Tỉnh Ủy Quảng - Đà, người đã tham gia kháng chiến chống Mỹ giải phóng dân tộc, hỏi đồng chí Trần Văn Tân, nguyên Ủy viên Thường vụ Đặc khu ủy Quảng - Đà, và nhà văn Phan Duy Nhân: *“Hình ảnh đó là bằng chứng đặc biệt và nhiều ý nghĩa lắm, phải giải thích cho ra, cho khách quan đúng sự thật, cho biện chứng. Sao, theo các ông, anh em làm sử bây giờ có nên viết rõ lại chuyện đó không?”* (29).

Với tinh thần từ bi của đạo Phật, và tinh thần nhập thế, Hòa thượng đã đứng lên kêu gọi hòa bình chấm dứt nội chiến tại Việt Nam, để góp phần cho công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Chính tinh thần đó, về sau nhà văn Phan Duy Nhân đã kể lại sự đóng góp của Hòa thượng thông qua sự chia sẻ của đồng chí Hồ Nghinh, nguyên Bí thư Thành phố Đà Nẵng như sau: *“Mình làm Bí thư Tỉnh ủy suốt thời kỳ chống Mỹ thì ông Quang Thế cũng làm đường đầu Phật giáo Đà Nẵng từ lúc Mỹ trực tiếp vô cho đến ngày giải phóng, lại còn làm tiếp Trưởng Phật giáo của tỉnh mấy chục năm sau 1975. Tính ra thì Quảng Nam - Đà Nẵng, ông ấy là một trong những nhân chứng lịch sử và có công...”*. Cũng nói về sự đóng góp của Hòa thượng trong giai đoạn đấu tranh thống nhất đất nước, đồng chí Phạm Đức Nam, Phó Bí thư Đặc khu Ủy Quảng - Đà, sau năm 1975 là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cảm nhận như sau: *“Ông Thầy đó từ hồi trước giải phóng tới chừ cùng đi với mình. Tuy cái tánh khi khó, nhưng mà thật thà tình nghĩa lắm. Ông cũng có phần đóng góp. Dặn anh em phải biết ơn người ta, đối xử cho chu đáo, có trước có sau”* (30). Với những lời chia sẻ của những vị nguyên lãnh đạo chủ chốt thành phố Đà Nẵng để thấy rằng sự đóng góp của Hòa thượng là vô cùng to lớn trong giai đoạn đấu tranh giải phóng Đà Nẵng nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung.

Nhìn lại phong trào Phật giáo năm 1966, Thông báo của Thông tấn xã Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam khẳng định cao trào “đã gây một uy thế chống Mỹ, phần nộ và quyết liệt chưa từng thấy, mở đầu thời kỳ mà mọi giới nhân dân đều có thể công khai tiến công chính sách thực dân hiếu chiến và chính sách xâm lược của chúng. Đây là điều tai hại lớn nhất mà Mỹ không thể cứu chữa nổi,... Với quy mô rộng lớn và xu thế chống Mỹ quyết liệt đã cầm chân rất nhiều quân Mỹ cũng như quân nguy ngay trong khi chúng cố sức vẫy vùng hòng đỡ gạt sức tấn công dồn dập của quân Giải phóng, chính bọn chỉ huy cao cấp của Mỹ cũng thú nhận rằng phong trào thành thị đã làm suy giảm từ 50 đến 70% cố gắng chiến tranh của chúng” (31). Qua đó cho thấy rằng phong trào Phật giáo tại miền Nam Việt Nam nói chung và Phật giáo Đà Nẵng nói riêng đã góp phần cho công cuộc giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Hòa thượng với vai trò là Chánh Đại diện Phật giáo Đà Nẵng, Ngài cùng chư Tôn đức Phật giáo Đà Nẵng đã lãnh đạo phong trào Phật giáo tại địa phương đứng lên đấu tranh chống sự xâm lược của Mỹ và chính quyền miền Nam Việt Nam.

Vào giai đoạn đất nước đã hòa bình thống nhất, ngoài việc lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Đà Nẵng ổn định phát triển, Hòa thượng còn tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN). Theo các tư liệu chính thức của Ủy ban MTTQVN tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, cố Hòa thượng Thích Quang Thế đảm nhiệm chức Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng từ năm 1977 đến năm 1983.

Năm 1977: Hòa thượng được mời tham gia Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh với vai trò Phó Chủ tịch, đại diện giới Phật giáo.

Năm 1983: Khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập (tháng 11/1981) và cơ cấu nhân sự MTTQ các tỉnh được kiện toàn, Ngài kết thúc nhiệm vụ ở vị trí Phó Chủ tịch.

Song song với việc lãnh đạo Giáo hội, Hòa thượng còn quan tâm đến công tác an sinh xã hội của người dân tại thành phố. Vào năm 1999, tại thành phố Đà Nẵng và 8 tỉnh miền Trung đã bị một trận lụt hết sức khủng khiếp, làm cho các vùng tại Đà Nẵng chìm trong biển nước, nhà cửa người dân bị cuốn trôi, với tinh thần từ bi của đạo Phật, tương thân tương ái. Ngày 03/11/1999, Hòa thượng đã ra *Lời kêu gọi*, trong công văn số 127/BTS/VP kêu gọi các tự viện, cơ sở trực thuộc Giáo hội và toàn thể Tăng Ni, Phật tử hãy chung tay cứu trợ đồng bào đang bị lũ lụt trong giai đoạn khó khăn này. Qua đó cho thấy được tinh thần nhập thế của Hòa thượng trong việc hỗ trợ người dân bị thiên tai lũ lụt tại Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung.

Với những đóng góp lớn lao của Hòa thượng khi còn sinh tiền không chỉ đối với Phật giáo mà còn đối với sự phát triển của thành phố Đà Nẵng, nhằm ghi nhận những đóng góp của Ngài, trong Sổ tang lưu niệm, Nguyên Bí thư Thành ủy Đà Nẵng - Chủ tịch HĐND - Trưởng đoàn Đại Biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng, Ông Nguyễn Bá Thanh đã viết như sau: *“Vô cùng thương tiếc Hòa thượng Thích Quang Thế, Trưởng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Đà Nẵng, người đã có nhiều đóng góp cho Phật giáo và xây dựng thành phố Đà Nẵng”* (32).

3. Khí xả trọng đảm



(Ảnh: Internet)

“*Khí Xả Trọng Đảm*” đây là bốn chữ mà Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quang (33) từ Tu viện Quảng Hương Già Lam - TP. Hồ Chí Minh - gởi ra để hộ niệm Hòa thượng Thích Quang Thế vừa viên tịch. Bốn chữ này vô cùng ý nghĩa và sâu sắc, nghĩa là cho đến lúc xả bỏ báo thân thì gánh nặng (trọng đảm) của Hòa thượng với biết bao nhiêu ưu tư và trăn trở, với biết bao nhiêu nhiệt tâm và nhiệt huyết đối với Giáo hội cũng đã được đặt xuống (khí xả), gánh nặng mà Ngài đã đảm nhận suốt từ những năm 1954 cho đến ngày viên tịch. Trong kinh tạng Nikaya và A-hàm, ảnh dụ “*khí xả trọng đảm*” (vứt bỏ hay đặt gánh nặng xuống) còn được sử dụng để diễn tả một vị Thánh đệ tử của đức Phật đã đoạn trừ những phiền não trói buộc và hoàn toàn giải thoát tự tại (34). Hơn thế nữa, Hòa thượng còn được nhà văn Phan Duy Nhân gửi một bức thư trong tang lễ để nói về công hạnh của Ngài đối với Đạo pháp và Dân tộc như sau:

“Tinh tấn tu hành, son sắt lương tâm vì Đạo pháp,

Chân thành phụng sự, thủy chung tình nghĩa với nhân dân” (35).

Hòa thượng còn được biết đến với hạnh khiêm cung và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn; những vị nguyên là lãnh đạo thành phố Đà Nẵng đề cập về hạnh khiêm cung của Ngài qua lời kể của nhà văn Phan Duy Nhân, khi đến thăm và hỏi ý kiến của Ngài về việc đề cử nhân sự đại diện của Phật giáo tham gia Mặt trận Tổ quốc hai tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, với vai trò là Phó Chủ tịch. Khi được nghe trình bày của những vị lãnh đạo thành phố, Hòa thượng liền nói: “*Chuyện này thì còn bàn chi nữa! Trong Tăng già Phật giáo Quảng Nam - Đà*

Năng, đóng góp kháng chiến thì còn ai tư cách hơn Thượng tọa Long Trí? Các ông mời người của Phật giáo thì nên để cho Phật giáo cử. Tôi đề cử Thầy Long Trí; có Thầy Long Trí vô Mặt trận là có tất cả chúng tôi rồi!..”, sau khi nghe câu trả lời của Hòa thượng, những vị đại diện về báo cáo với lãnh đạo thành phố thì đồng chí Hồ Nghinh - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng cười bảo: “Đó là tấm gương cho nội bộ anh em cán bộ mình học tập, không cần phải tìm đâu xa” (36).

Trải qua hơn 50 năm hành đạo, Hòa thượng luôn dẫn thân trong mọi Phật sự từ hoằng pháp, giáo dục, đào tạo Tăng tài, tổ chức an cư kết hạ, cho đến công tác trùng tu, xây dựng chùa chiền và truyền trao giới pháp. Đặc biệt, Hòa thượng đã có công hưng long và gìn giữ mạng mạch Tăng già nơi miền Trung, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng, khơi nguồn sinh khí cho đạo pháp trong giai đoạn đầy thử thách. Hòa thượng từng giữ cương vị Trưởng ban Trị sự Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng qua nhiều nhiệm kỳ, và là vị lãnh đạo tiêu biểu, được chư Tăng Ni Phật tử nhiều thế hệ cung kính và tôn xưng là bậc “đạo cao đức trọng”.

Hòa thượng **đã sống một cuộc đời khiêm cung, giản dị với lòng từ bi ban rải khắp mọi nơi, đã thấp sáng vạn tâm lòng không chỉ hàng đệ tử xuất gia mà còn cả những ai có nhân duyên được gặp** Hòa thượng. Cuộc đời và đạo nghiệp của Hòa thượng là một hành trình bất tận trong việc phụng sự Đạo pháp và dân tộc, là biểu tượng sống động của giới đức và hạnh nguyện (37).

Đem thân phụng sự cõi trần

Trần duyên mãi một Pháp thân sáng ngời.

Với tinh thần nhập thế, vì dân vì nước, vì Tổ quốc hoà bình độc lập, tự do, Hòa thượng đã thể hiện trọn vẹn tinh thần yêu nước nồng nàn, đoàn kết dân tộc, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hòa bình hạnh phúc, đạo đời hòa quyền dung thông theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội” (38).

Trong Kinh Trung Bộ, bài kinh số 37, kinh *Tiểu kinh đoạn tận á* đức Phật đã dạy: “*Sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm,...*” (39). Hòa thượng đã an nhiên thu thần thị tịch vào ngày mồng 3 tháng 6 năm Ất Dậu (nhằm ngày 08 tháng 7 năm 2005), tại chùa Thọ Quang - Tp. Đà Nẵng. Trụ thế 84 tuổi đời, 57 Hạ lạp.

C. Kết luận

Hơn 80 năm hiện hữu trên cõi đời, với tinh thần nhập thế, Hòa thượng Thích Quang Thế đã dành cả đời mình để phụng sự cho Đạo pháp và Dân tộc, trải qua những giai đoạn khó khăn của đất nước và Phật giáo. Trong giai đoạn đất nước bị chia cắt, Phật giáo bị kì thị, đồng bào phật tử và nhân khổ đau bởi chiến tranh gây ra. Với vai trò là Chánh đại diện Phật giáo Đà Nẵng, Ngài đã cùng với chư Tôn đức đứng lên lãnh đạo quần chúng nhân dân và phật tử đấu tranh chống chế độ độc tài, phản đối sự đàn áp cuộc khởi nghĩa của đồng bào dân tộc, kêu gọi chấm dứt chiến tranh thống nhất đất nước. Sự đóng góp của Ngài góp phần cho sự thành công trong cuộc đấu tranh thống nhất đất nước.

Vào giai đoạn đất nước hòa bình, Ngài tiếp tục lãnh đạo Phật giáo Đà Nẵng ổn định và phát triển. Thành tựu của Phật giáo Đà Nẵng hôm nay là nhờ ân đức của Ngài đã kiến thiết và xây dựng, góp phần vào công cuộc phát triển Phật giáo Đà Nẵng trong dòng chảy Phật giáo Việt Nam. Mặc dù Ngài về cõi Niết-bàn nhưng Pháp thân của Ngài vẫn còn lưu truyền trong lòng mỗi người dân Đà Nẵng, hương thơm của Ngài vẫn còn hiện hữu như lời đức Phật đã dạy trong *kinh Pháp Cú* số 54:

*“Hương các loại hoa thơm,
Không ngược bay chiều gió,
Nhưng hương người đức hạnh,
Ngược gió khắp tung bay,
Chỉ có bậc chân nhân,
Tỏa khắp mọi phương trời” (40).*

Tác giả: **NCS Thích Ân Truyền**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Nhiều tác giả (2009), *Tướng niệm Trưởng lão Hòa thượng Thích Quang Thế*, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 15-17.

2) Nhiều tác giả (2009), *Sđd*, tr. 17-20.

3) Nhiều tác giả (2009), *Sđd*, tr. 23.

- 4) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 29.
- 5) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 33.
- 6) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 285.
- 7) Nguyên Trưởng Ban cán sự vận động trí thức Tp. Đà Nẵng trong kháng chiến chống Mỹ. Nguyên Quyền Trưởng Ban Tôn giáo của Chính phủ.
- 8) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 143-144.
- 9) Lúc này là Đoàn trưởng Đoàn Sinh viên Phật tử Huế và nguyên Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Huế.
- 10) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 144.
- 11) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 144.
- 12) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 145.
- 13) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 146.
- 14) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 146.
- 15) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945-1975)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 177.
- 16) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), Sđd, tr. 191.
- 17) Jerrold Schechter, *The New Face of Buddha*, John Weather Hill, Tokyo, 1967, tr. 228.
- 18) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), Sđd, tr. 192.
- 19) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), Sđd, tr. 192.
- 20) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), Sđd, tr. 193.
- 21) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 366-368.
- 22) Nhiều tác giả (2009), Sđd, tr. 147.

- 23) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), *Sđđ*, tr. 234.
- 24) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), *Sđđ*, tr. 241.
- 25) Ban Liên lạc Tổng đoàn Học sinh Đà Nẵng (2011), *Chúng tôi có một thời như thế*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, tr. 94-95.
- 26) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 148.
- 27) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 148.
- 28) Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), *Sđđ*, tr. 274.
- 29) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 148.
- 30) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 148-149.
- 31) Trần Văn Giàu (1970), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập IV, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 258-259.
- 32) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 350.
- 33) Khi Ngài còn ở tại Tu viện Quảng Hương Già Lam – Tp. Hồ Chí Minh.
- 34) Thích Huệ Chấn trong bài viết “Khí xả trọng đảm” được in trong tác phẩm *Tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng Thích Quang Thế* (2009), Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 123.
- 35) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 143.
- 36) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 148.
- 37) Dẫn lại nguồn: Thượng tọa Thích Huệ Chấn đọc trong buổi lễ kỷ niệm 20 năm ngày viên tịch của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Quang Thế tại chùa Thọ Quang - Tp. Đà Nẵng, ngày mừng 3/6/Ất Tỵ.
- 38) Nhiều tác giả (2009), *Sđđ*, tr. 33.
- 39) Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, Kinh Trung Bộ, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020, tr. 281.
- 40) Kinh Pháp Cú, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2000, tr. 20.

Tài liệu tham khảo:

- 1] *Kinh Pháp Cú*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2000.
- 2] Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, *Kinh Trung Bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2020.
- 3] Lê Cung (chủ biên), Lê Thành Nam, Hồ Hải Hưng, Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Trung Triều (2019), *Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam (1945-1975)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
- 4] Nhiều tác giả (2009), *Tướng niệm Trưởng lão Hòa thượng Thích Quang Thế*, Nxb. Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh.
- 5] Trần Văn Giàu (1970), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập IV, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- 6] Ban Liên lạc Tổng đoàn Học sinh Đà Nẵng (2011), *Chúng tôi có một thời như thế*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- 7] Jerrold Schecter (1967), *The New Face of Buddha*, John Weather Hill, Tokyo.

* Phụ lục:





